

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Số: 111.../GT-DAP

V/v: Giải trình ý kiến nhận mạnh của đơn vị  
kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 01 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (DDV)

Trụ sở chính: Lô N5.8, Khu Công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Phường  
Đông Hải II, Quận Hải An, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 02253 979 368

Fax: 02253 979 170

Website: www.dap-vinachem.com.vn

Email: daphaiphong@gmail.com

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, soát xét, Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (mã chứng khoán DDV) xin được giải trình nguyên nhân kiểm toán có ý kiến nhấn mạnh là do:

Thực hiện theo công văn số 1757/HCVN-TCKT ngày 21/9/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc điều chỉnh mức trích khấu hao trên cơ sở các công văn số 2496/VPCP-KTTH ngày 21/8/2017 của Văn phòng Chính phủ và công văn số 1001/BTC-TCDN ngày 15/9/2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, năm 2017 Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 60%, năm 2018 trích 70%, năm 2019 trích 80% mức phải trích hàng năm theo phương pháp đường thẳng (tương ứng mức giảm trích khấu hao năm 2017 là 40%, năm 2018 là 30%, năm 2019 là 20%). Số giảm khấu hao TSCĐ của 3 năm nêu trên được Công ty phân bổ đều trong khoảng thời gian còn lại của TSCĐ. Theo đó, chi phí khấu hao trong năm 2020 tăng 17.651.510.465 đồng so với trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung các thông tin đã công bố.

**Trân trọng!**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu KTTC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Bằng

V/v: Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế  
thay đổi trước và sau kiểm toán năm 2020

Hải Phòng, ngày *01* tháng *3* năm 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (DDV)

Trụ sở chính: Lô N5.8, Khu Công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Phường Đông Hải II, Quận Hải An, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 02253 979 368

Fax: 02253 979 170

Website: www.dap-vinachem.com.vn

Email: daphaiphong@gmail.com

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (mã chứng khoán DDV) xin được giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán năm 2020 như sau:

**Kết quả lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán:**

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán		
Báo cáo tài chính	16.259.663.264	28.441.759.390	12.182.096.126	74,92%

**Chi tiết tăng/ giảm như sau:**

STT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng, giảm %
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
1	Giá vốn hàng bán	1.644.428.547.002	1.643.064.612.833	(1.363.934.169)	-0,08%
2	Chi phí bán hàng	97.957.265.921	97.665.888.921	(291.377.000)	-0,30%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	100.791.776.351	88.934.573.910	(11.857.202.441)	-11,76%
4	Thu nhập khác	1.236.664.209	1.158.864.747	(77.799.462)	-6,29%
5	Chi phí khác	67.226.338	1.319.844.360	1.252.618.022	1863,28%
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.259.663.264	28.441.759.390	12.182.096.126	74,92%
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.259.663.264	28.441.759.390	12.182.096.126	74,92%

**Nguyên nhân tăng/ giảm:**

- Giá vốn hàng bán giảm 1.363.934.169 đồng do:

+ Điều chỉnh chi phí đền bù sự cố sạt tường bao cho Công ty Thạch Cao Đình Vũ với số tiền: 1.212.499.254 đồng

+ Điều chỉnh giảm chi phí giám định lưu huỳnh do hạch toán trùng hóa đơn với số tiền: 60.048.660 đồng

+ Điều chỉnh tăng do hao hụt nhiên liệu trong định mức cho phép với số tiền: 1.096.972 đồng

+ Điều chỉnh giảm do nhập lại vỏ bao tái sử dụng với số tiền: 92.483.227 đồng

- Chi phí bán hàng giảm với số tiền 291.377.000 đồng do điều chỉnh giảm các khoản thu nhập khác của nhân viên phát triển thị trường

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm với số tiền: 11.857.202.441 đồng do:
  - + Trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền: 10.413.024.559 đồng
  - + Trích bổ sung quỹ lương Ban lãnh đạo số tiền 124.000.000 đồng
  - + Điều chỉnh giảm chi phí tiền thuê đất năm 2017-2019: 22.394.227.000 đồng
  - Thu nhập khác giảm với số tiền 77.799.462 đồng do điều chỉnh hạch toán thu hồi vỏ bao tái sử dụng năm 2020
  - Chi phí khác tăng 1.252.618.022 đồng là do điều chỉnh hạch toán chi phí đền bù sự cố sạt tường cho công ty Thạch Cao Đình Vũ và tiền thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ do phân bổ lại thuế cả năm.
- Việc tăng, giảm các khoản doanh thu, chi phí ở trên làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN sau kiểm toán năm 2020 tăng với số tiền 12.182.096.126 đồng.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung các thông tin đã công bố.

*Trân trọng!*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KTTC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DẠP - VINACHEM  
Vũ Văn Bằng

V/v: Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế thay đổi so với cùng kỳ năm trước

Hải Phòng, ngày 01 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (DDV)

Trụ sở chính: Lô N5.8, Khu Công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Phường Đông Hải II, Quận Hải An, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 02253 979 368

Fax: 02253 979 170

Website: www.dap-vinachem.com.vn

Email: daphaiphong@gmail.com

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, soát xét, Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (mã chứng khoán DDV) xin được giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế thay đổi so với cùng kỳ năm trước như sau:

**1. Kết quả lợi nhuận sau thuế năm nay so với cùng kỳ năm trước**

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Năm nay (2020)	Năm trước (2019)		
Báo cáo tài chính	28.441.759.390	(3.184.605.465)	31.626.364.855	

**Nguyên nhân:**

STT	Chỉ tiêu	Năm nay (2020)	Năm trước (2019)	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng, giảm %
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.947.466.485.795	1.697.292.905.722	250.173.580.073	14,74%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	61.153.735.939	51.673.910.374	9.479.825.565	18,35%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.886.312.749.856	1.645.618.995.348	240.693.754.508	14,63%
4	Giá vốn hàng bán	1.643.064.612.833	1.443.593.917.639	199.470.695.194	13,82%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	243.248.137.023	202.025.077.709	41.223.059.314	20,40%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.437.641.085	2.262.956.412	1.174.684.673	51,91%
7	Chi phí tài chính	31.482.576.274	37.918.627.135	(6.436.050.861)	-16,97%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>21.323.009.211</i>	<i>28.852.063.923</i>	<i>(7.529.054.712)</i>	<i>-26,10%</i>
8	Chi phí bán hàng	97.665.888.921	99.552.883.419	(1.886.994.498)	-1,90%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	88.934.573.910	70.479.936.324	18.454.637.586	26,18%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	28.602.739.003	(3.663.412.757)	32.266.151.760	
11	Thu nhập khác	1.158.864.747	1.013.634.691	145.230.056	14,33%
12	Chi phí khác	1.319.844.360	534.827.399	785.016.961	146,78%
13	Lợi nhuận khác	(160.979.613)	478.807.292	(639.786.905)	-133,62%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.441.759.390	(3.184.605.465)	31.626.364.855	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.441.759.390	(3.184.605.465)	31.626.364.855	

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay là 28.441 triệu đồng tăng 31.626 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2019 là do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 250.173 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước là do sản lượng tiêu thụ tăng 52.664 tấn so với cùng kỳ năm trước.
- Các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại) kỳ này là 61.153 triệu đồng, tăng 9.480 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2019. Chiết khấu thương mại tăng do sản lượng tiêu thụ tăng.
- Giá vốn hàng bán kỳ này là 1.643.064 triệu đồng, tăng 199.470 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước là do sản lượng tiêu thụ tăng như đã phân tích ở trên.
- Doanh thu hoạt động tài chính kỳ này là 3.437 triệu đồng, tăng 1.174 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước là do chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và tăng tiền lãi từ việc khách hàng chậm thanh toán.
- Chi phí tài chính kỳ này là 31.482 triệu đồng, giảm 6.436 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do giảm chi phí lãi vay ngân hàng.
- Chi phí bán hàng kỳ này là 97.666 triệu đồng, giảm 1.887 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do tăng giảm chi phí vận chuyển và thưởng tiêu thụ khách hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này là 88.934 triệu đồng, tăng với số tiền 18.454 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do tăng trích lập dự phòng phải thu khó đòi và tăng chi phí tiền thuê đất khi thay đổi đơn giá thuê
- Thu nhập khác kỳ này là 1.159 triệu đồng, tăng 145 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.
- Chi phí khác kỳ này là 1.320 triệu đồng, tăng 785 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước là do đền bù sự cố hỏng tường bao của Công ty Thạch Cao Đình Vũ

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung các thông tin đã công bố. ✓

**Trân trọng!**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu KTTC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Số: 11.4.../GT-DAP

Giải trình việc điều chỉnh hồi tố một chỉ tiêu trong  
BCTC đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và 2019**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 01 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (DDV)

Trụ sở chính: Lô N5.8, Khu Công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Phường Đông Hải II, Quận Hải An, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 02253 979 368

Fax: 02253 979 170

Website: www.dap-vinachem.com.vn

Email: daphaiphong@gmail.com

Căn cứ báo cáo tài chính đã kiểm toán, Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (mã chứng khoán DDV) xin được giải trình việc điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên BCTC đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và 2019 như sau:

**1/ Năm 2017****1.1/ Điều chỉnh hồi tố Bảng cân đối kế toán**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
1	Thuế và các khoản phải nộp NN	313	2.726.363.014	4.518.411.000	7.244.774.014
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(443.848.710.403)	(4.518.411.000)	(448.367.121.403)

**1.2/ Điều chỉnh hồi tố kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	52.600.091.385	4.518.411.000	57.118.502.385
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	14.760.669.800	(4.518.411.000)	10.242.258.800
3	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	101	(31)	70

**1.3/ Điều chỉnh hồi tố Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
1	Lợi nhuận trước thuế	01	14.783.119.800	(4.518.411.000)	10.264.708.800
2	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	111.317.882.480	4.518.411.000	115.836.293.480

Nguyên nhân: Chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" tăng số tiền 4.518.411.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất phải nộp năm 2017 theo biên bản làm việc ngày 08/12/2020 giữa Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An với Công ty cổ phần DAP - Vinchem.

Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm số tiền 4.518.411.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2017

Chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" tăng 4.518.411.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2017

Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" giảm số tiền 4.518.411.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2017

Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" thay đổi do xác định lại kết quả kinh doanh qua ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh hồi tố

**2/ Năm 2018****2.1/ Điều chỉnh hồi tố Bảng cân đối kế toán**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
1	Thuế và các khoản phải nộp NN	313	556.957.403	13.555.233.000	14.112.190.403
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(216.353.193.805)	(13.555.233.000)	(229.908.426.805)

**2.2/ Điều chỉnh hồi tố kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	71.181.602.682	9.036.822.000	80.218.424.682
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	227.495.516.598	(9.036.822.000)	218.458.694.598
3	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.557	(62)	1.495

**2.3/ Điều chỉnh hồi tố Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
1	Lợi nhuận trước thuế	01	227.495.516.598	(9.036.822.000)	218.458.694.598
2	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(238.714.756.428)	9.036.822.000	(229.677.934.428)

Nguyên nhân: Chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" tăng số tiền 13.555.233.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất phải nộp năm 2017 và năm 2018 theo biên bản làm việc ngày 08/12/2020 giữa Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An với Công ty cổ phần DAP - Vinchem.

Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm số tiền 13.555.233.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2017 và năm 2018.

Chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" tăng 9.036.822.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2018

Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" giảm số tiền 9.036.822.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2018

Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" thay đổi do xác định lại kết quả kinh doanh qua ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh hồi tố

**3/ Năm 2019****3.1/ Điều chỉnh hồi tố Bảng cân đối kế toán**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
1	Thuế và các khoản phải nộp NN	313	2.072.072	22.394.227.000	22.396.299.072
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(210.698.805.270)	(22.394.227.000)	(233.093.032.270)

**3.2/ Điều chỉnh hồi tố kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	61.640.942.324	8.838.994.000	70.479.936.324
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	5.654.388.535	(8.838.994.000)	(3.184.605.465)
3	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	(60)	(22)

### 3.3/ Điều chỉnh hồi tố Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
1	Lợi nhuận trước thuế	01	5.654.388.535	(8.838.994.000)	(3.184.605.465)
2	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(205.519.089.554)	8.838.994.000	(196.680.095.554)

Nguyên nhân: Chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" tăng số tiền 22.394.227.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất phải nộp năm 2017, năm 2018 và năm 2019 theo biên bản làm việc ngày 08/12/2020 giữa Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An với Công ty cổ phần DAP - Vinchem.

Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm số tiền 22.394.227.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2017, năm 2018 và năm 2019.

Chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" tăng 8.838.994.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2019.

Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" giảm số tiền 8.838.994.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2019

Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" thay đổi do xác định lại kết quả kinh doanh qua ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh hồi tố

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KTTC; VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

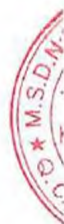
TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Bằng



**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 45

01202  
CÔNG  
TỊCH NHIỆ  
M TOÁN  
VIỆT  
GIẤY

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 26/6/2020)
Ông Lâm Thái Dương	Chủ tịch (Kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 26/6/2020)
Ông Vũ Văn Bằng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/6/2020)
Ông Lê Ngọc Nhân	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/6/2020)
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/6/2020)
Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/6/2020)
Ông Nguyễn Văn Sinh	Thành viên (Kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 26/6/2020)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên (Kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 26/6/2020)
Ông Hoàng Mạnh Thắng	Thành viên (Kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 26/6/2020)

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Vũ Văn Bằng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 15/12/2020)
Ông Nguyễn Văn Sinh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 18/6/2020)
Ông Lê Ngọc Nhân	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 23/3/2020)
Ông Bùi Đăng Duẩn	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm lại từ ngày 10/2/2020)

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

8-C.T.  
T.Y.  
LIU HAN  
DINH GI  
AM  
P.P. HAN

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**



**Vũ Văn Bằng**

**Tổng Giám đốc**

*Hải Phòng, ngày 22 tháng 2 năm 2021*

Số : 81-21/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22/02/2021, từ trang 04 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số IV.7.1 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính, thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 1001/BTC-TCĐN ngày 15/09/2017 của Bộ Tài chính và Công văn số 1757/HCVN-TCKT ngày 21/9/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về điều chỉnh mức khấu hao TSCĐ (tương ứng với mức giảm khấu hao năm 2017 là 40%, năm 2018 là 30% và năm 2019 là 20% mức phải trích hàng năm theo phương pháp đường thẳng), số giảm khấu hao TSCĐ của 3 năm nêu trên được Công ty phân bổ đều trong khoảng thời gian còn lại của TSCĐ.



**Nguyễn Thị Hồng Vân**

Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Phạm Thị Hiền**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2018-034-1

C.T.  
Y  
TU H  
NH G  
M  
P H

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

01/01/2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>437.811.870.566</b>	<b>635.770.733.369</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>18.158.161.134</b>	<b>71.204.151.434</b>
1 Tiền	111	V.1.	18.158.161.134	71.204.151.434
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.4.</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>1.540.000.000</b>
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	1.540.000.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>191.872.411.537</b>	<b>208.396.930.577</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	168.155.188.680	205.046.679.091
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	4.064.030.610	2.005.787.699
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	31.307.922.698	2.242.963.787
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.654.730.451)	(898.500.000)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>218.347.406.707</b>	<b>342.227.408.744</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.7.	218.347.406.707	342.227.408.744
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.433.891.188</b>	<b>12.402.242.614</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	462.101.390	2.484.810.003
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.174.448.825
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	6.971.789.798	6.742.983.786
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.086.760.027.834</b>	<b>1.263.489.333.829</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.591.469.000</b>	<b>1.591.469.000</b>
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	1.591.469.000	1.591.469.000
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>982.896.636.647</b>	<b>1.149.064.109.783</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	982.896.636.647	1.149.064.109.783
- Nguyên giá	222		2.419.630.520.907	2.420.070.312.172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.436.733.884.260)	(1.271.006.202.389)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	-	-
- Nguyên giá	228		180.000.000	180.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(180.000.000)	(180.000.000)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.8.</b>	<b>1.939.880.490</b>	<b>3.402.346.621</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.939.880.490	3.402.346.621
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.4.</b>	<b>4.146.854.165</b>	<b>4.662.506.557</b>
1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	5.000.000.000
2 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(853.145.835)	(337.493.443)
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>96.185.187.532</b>	<b>104.768.901.868</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	96.185.187.532	104.768.901.868
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.524.571.898.400</b>	<b>1.899.260.067.198</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>263.615.898.262</b>	<b>666.745.830.468</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>261.374.875.262</b>	<b>664.504.807.468</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	150.132.205.241	161.240.659.114
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	22.782.887.236	774.996.294
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	818.182	22.396.299.072
4 Phải trả người lao động	314		24.342.532.729	20.024.947.818
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	2.440.249.728	4.222.567.552
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	9.758.532.337	15.090.828.167
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	49.591.358.537	436.481.369.437
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.326.291.272	4.273.140.014
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.241.023.000</b>	<b>2.241.023.000</b>
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	2.241.023.000	2.241.023.000
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.260.956.000.138</b>	<b>1.232.514.236.730</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18.</b>	<b>1.260.956.000.138</b>	<b>1.232.514.236.730</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.461.099.000.000	1.461.099.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.461.099.000.000	1.461.099.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		4.508.269.000	4.508.269.000
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(204.651.268.862)	(233.093.032.270)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(233.093.032.270)	(229.908.426.805)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		28.441.763.408	(3.184.605.465)
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.524.571.898.400</b>	<b>1.899.260.067.198</b>

Hải Phòng, ngày 22 tháng 2 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Người lập biểu

Điều hành Phòng Kế toán

Tổng Giám đốc

**Đặng Thị Hoa**

**Lê Thị Hiền**



**Vũ Văn Bằng**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.947.466.485.795	1.697.292.905.722
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	61.153.735.939	51.673.910.374
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.886.312.749.856	1.645.618.995.348
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	1.643.064.612.833	1.443.593.917.639
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		243.248.137.023	202.025.077.709
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	3.437.641.085	2.262.956.412
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	31.482.576.274	37.918.627.135
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.323.009.211	28.852.063.923
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	97.665.888.921	99.552.883.419
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	88.934.573.910	70.479.936.324
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		28.602.739.003	(3.663.412.757)
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	1.158.864.747	1.013.634.691
12. Chi phí khác	32	VI.7.	1.319.844.360	534.827.399
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(160.979.613)	478.807.292
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.441.759.390	(3.184.605.465)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		28.441.759.390	(3.184.605.465)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	195	(22)

Hải Phòng, ngày 22 tháng 2 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Người lập biểu

Điều hành Phòng Kế toán

Tổng Giám đốc

**Đặng Thị Hoa**

**Lê Thị Hiền**



**Vũ Văn Bằng**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.441.759.390	(3.184.605.465)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	166.486.164.595	119.775.694.381
- Các khoản dự phòng	03	11.271.882.843	(96.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(9.930.688)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(195.879.570)	(392.461.147)
- Chi phí lãi vay	06	21.323.009.211	28.852.063.923
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(222.829.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	227.326.936.469	144.721.932.004
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.190.589.314	363.712.208
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	123.880.002.037	(30.820.001.857)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.807.407.835)	(196.680.095.554)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.606.422.949	24.365.614.940
- Tiền lãi vay đã trả	14	(21.809.958.335)	(28.649.324.885)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.908.194.558)	(573.204.502)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>334.478.390.041</b>	<b>(87.271.367.646)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(396.208.735)	(10.485.836.093)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	72.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(460.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	147.823.608	403.684.161
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(635.657.854)</b>	<b>(10.082.151.932)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	867.167.317.071	1.211.474.881.483
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.254.057.327.971)	(1.080.079.229.535)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(386.890.010.900)</b>	<b>131.395.651.948</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(53.047.278.713)	34.042.132.370
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	71.204.151.434	37.195.725.967
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.288.413	(33.706.903)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01 18.158.161.134	71.204.151.434

Hải Phòng, ngày 22 tháng 2 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP - VINACHEM**

Người lập biểu

Điều hành Phòng Kế toán

Tổng Giám đốc



Đặng Thị Hoa

Lê Thị Hiền

Vũ Văn Bằng

2022  
KING  
VHIEM  
AN VA  
TN  
Y -

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV DAP - VINACHEM được thành lập theo quyết định số 405/QĐ-HCVN ngày 24/07/2008 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200827051 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 29/07/2008. Từ thời điểm 01/01/2015, Công ty đã chuyển thành Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM. Công ty có 5 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 22/12/2020 (thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh và thay đổi người đại diện theo pháp luật) thì vốn điều lệ của Công ty là **1.461.099.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm sáu mươi tỷ, không trăm chín mươi chín triệu đồng chẵn), Địa chỉ trụ sở chính là Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam; và người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc - Ông Vũ Văn Bằng.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên Sàn giao dịch chứng khoán UPCOM với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) kể từ ngày 02/6/2015 theo Quyết định số 321/QĐ-SGDHN của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là DDV, số lượng cổ phiếu đang lưu hành là: 146.109.900 cổ phiếu.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón nông nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất hóa chất cơ bản;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (bao gồm bán điện), sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón, hợp chất ni tơ và hóa chất cơ bản (không bao gồm thuốc trừ sâu và thuốc bảo vệ thực vật);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Thu phí cầu cảng.

**Trụ sở chính của Công ty:** Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty bị truy thu tiền thuê đất các năm 2017, 2018, 2019 và tăng tiền thuê đất phải nộp Ngân sách Nhà nước năm 2020 do có thay đổi đơn giá cho thuê theo Hợp đồng thuê đất số 21/HĐ-TĐ ngày 15/06/2020 giữa Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM và Thông báo số 1900/TB-CCT ngày 14/9/2020 của Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An - Cục thuế TP Hải Phòng về việc tạm thu tiền thuê đất kèm biên bản làm việc ngày 08/12/2020. Số tiền thuê đất truy thu được Công ty ghi nhận và phân bổ vào chi phí các năm đó bằng cách điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính từ năm 2017 đến năm 2019 và ghi nhận trực tiếp vào Báo cáo tài chính năm 2020.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ Tướng chính phủ, Công văn số 1001/BTC-TCDN ngày 15/09/2017 của Bộ Tài chính và Công văn số 1757/HCVN-TCKT ngày 21/9/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về điều chỉnh mức khấu hao TSCĐ, theo đó khấu hao TSCĐ sẽ được Công ty thực hiện như sau: Năm 2017 thực hiện trích 60%, năm 2018 thực hiện trích 70%, năm 2019 thực hiện trích 80% mức phải trích hàng năm theo phương pháp đường thẳng (trùng ứng với mức giảm khấu hao năm 2017 là 40%, năm 2018 là 30% và năm 2019 là 20% mức phải trích hàng năm theo phương pháp đường thẳng). Số giảm khấu hao trong 3 năm nêu trên được Công ty phân bổ đều trong khoảng thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định. Theo đó, chi phí khấu hao trong năm 2020 tăng 17.651.510.465 đồng so với trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc là Văn phòng đại diện tại phía Nam, địa chỉ tại Phường Tân Kiểng, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

0120  
CƠ  
CH NH  
M TOÁ  
VIỆ  
GIÁ  
H H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của chính ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Khoản góp vốn đầu tư của Công ty vào công cụ vốn của đơn vị khác là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ theo Biên bản thỏa thuận về việc thành lập Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ ngày 01/10/2010 giữa các bên gồm Công ty Cổ phần DAP VINACHEM, Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường và Công ty Cổ phần Thương mại vận tải Minh Loan. Vốn góp của Công ty là 05 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 4,07% Vốn điều lệ (Vốn điều lệ đến hết 31/12/2020 là 123 tỷ đồng). Giá trị vốn góp bao gồm 01 tỷ đồng tiền mặt và 04 tỷ đồng là giá trị đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí rà phá bom mìn của 30.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu kinh tế Đình Vũ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cho đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được nợ đúng hạn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ****7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	03

Thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ Tướng chính phủ, Công văn số 1001/BTC-TCDN ngày 15/09/2017 của Bộ Tài chính và Công văn số 1757/HCVN-TCKT ngày 21/9/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về điều chỉnh mức khấu hao TSCĐ, theo đó khấu hao TSCĐ sẽ được Công ty thực hiện như sau: Năm 2017 thực hiện trích 60%, năm 2018 thực hiện trích 70%, năm 2019 thực hiện trích 80% mức phải trích hàng năm theo phương pháp đường thẳng (tương ứng với mức giảm khấu hao năm 2017 là 40%, năm 2018 là 30% và năm 2019 là 20% mức phải trích hàng năm theo phương pháp đường thẳng). Số giảm khấu hao trong 3 năm nêu trên được Công ty thực hiện phân bổ đều trong khoảng thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định. Theo đó, giá trị khấu hao năm 2020 là 166.524.818.779 đồng, tăng 17.651.510.465 đồng so với trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

**7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng công trình nhà ở cho cán bộ công nhân viên, đường ống axit, mở rộng tăng năng lực cảng, mở rộng bãi Gyps và các công trình khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí vận chuyển, bốc xếp DAP, chi phí bảo hiểm cháy nổ.

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được Công ty ghi nhận theo số liệu trên Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Công ty TNHH MTV DAP - VINACHEM. Lợi thế kinh doanh đang được Công ty thực hiện phân bổ trong thời gian 10 năm theo quy định tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 và hướng dẫn tại Công văn số 16246/BTC-TCDN ngày 03/11/2015 của Bộ Tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí vận chuyển, bốc xếp DAP: Chi phí vận chuyển, bốc xếp DAP được phân bổ vào chi phí theo số lượng sản phẩm DAP gửi bán, được bán ra hàng tháng.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ: Chi phí bảo hiểm cháy nổ được phân bổ vào chi phí theo thời gian thực hiện dịch vụ bảo hiểm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa các Công ty góp vốn.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạch Tray Hải Phòng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay. Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản: trích trước chi phí thường tiêu thụ khách hàng, trích trước chi phí lãi vay phải trả và các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

Chi phí thường tiêu thụ khách hàng căn cứ vào số lượng tiêu thụ đại lý và đơn giá thường trên sản lượng tiêu thụ. Chi phí lãi vay phải trả được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng vay, lãi suất vay.

**14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê tài sản, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá phân bón, lưu huỳnh, axit, điện, dầu mỡ,...và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng.

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu của Công ty là chiết khấu thương mại phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá, chi phí khác.

**19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**19.1 Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế 10% áp dụng với các doanh thu bán điện, axit, phí cầu bến tàu, thuế suất 5% với doanh thu bán nước, thuế suất 0% với doanh thu xuất khẩu, và doanh thu phân bón không chịu thuế GTGT.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm kể từ năm 2009 đến năm 2023 theo Công văn số 1145/CT-TT&HT ngày 06/8/2013 của Cục thuế thành phố Hải Phòng.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 (bốn) năm kể từ năm 2010 đến hết năm 2013, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo kể từ năm 2014 đến hết năm 2022 theo nội dung của Công văn số 1145/CT-TT&HT ngày 06/8/2013 của Cục thuế thành phố Hải Phòng.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Thuế xuất nhập khẩu là thuế phải nộp ở khâu nhập khẩu khi nhập mua các nguyên liệu, vật tư, được ghi nhận căn cứ vào tờ khai hải quan, đã được đơn vị nộp cho cơ quan hải quan.

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc  
khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải  
2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	250.398.746	335.138.297
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	17.907.762.388	70.869.013.137
Tiền gửi VND	7.134.412.278	64.043.220.196
Tiền gửi USD	10.773.350.110	6.825.792.941
<b>Cộng</b>	<b>18.158.161.134</b>	<b>71.204.151.434</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Phân bón Hoá chất Cần Thơ	54.517.479.848	(10.413.024.559)	61.026.049.118	-
Công ty CP Phân bón Miền Nam	24.718.339.975	-	45.680.506.000	-
Công ty TNHH Phân bón Hưng Phú	26.332.003.549	-	8.600.846.209	-
Công ty TNHH phân bón Gia Vũ	26.331.638.582	-	-	-
Công ty Phân bón Bình Điền	-	-	30.897.562.500	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Tường Nguyên	15.036.527.116	-	27.581.313.720	-
Các đối tượng khác	21.219.199.610	(715.000.000)	31.260.401.544	(898.500.000)
<b>Cộng</b>	<b>168.155.188.680</b>	<b>(11.128.024.559)</b>	<b>205.046.679.091</b>	<b>(898.500.000)</b>

*b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng 203	2.302.096.147	1.112.593.000
Các đối tượng khác	1.761.934.463	893.194.699
<b>Cộng</b>	<b>4.064.030.610</b>	<b>2.005.787.699</b>

*b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020 VND		01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>				
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	1.540.000.000	1.540.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>1.540.000.000</b>	<b>1.540.000.000</b>

(\*) Khoản tiền gửi tiết kiệm theo các hợp đồng tiền gửi với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020 VND			01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư và đơn vị khác</b>						
Công ty CP Thạch cao Đình Vũ	5.000.000.000	(853.145.835)	4.146.854.165	5.000.000.000	(337.493.443)	4.662.506.557
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>(853.145.835)</b>	<b>4.146.854.165</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>(337.493.443)</b>	<b>4.662.506.557</b>

**Chi tiết khoản đầu tư như sau:**

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ có trụ sở chính tại: Khu kinh tế Đình Vũ, Đông Hải, Hải An, TP. Hải Phòng. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là tái chế phế liệu phi kim. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty này là 4,07%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty CP Thạch cao Đình Vũ: bán nước, dung dịch Amoniac lỏng.

Tại thời điểm 31/12/2020, tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**5. Phải thu khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>31.307.922.698</b>	<b>(526.705.892)</b>	<b>2.242.963.787</b>	-
Tạm ứng	353.933.400	-	72.895.016	-
Trần Văn Đoàn	100.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	253.933.400	-	72.895.016	-
Ký cược, ký quỹ	150.000.000	-	150.000.000	-
Phải thu khác	30.803.989.298	(526.705.892)	2.020.068.771	-
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	1.030.946.062	-	1.030.946.062	-
Cục thuế Hải Phòng (*)	29.107.374.683	-	419.941.014	-
Các đối tượng khác	665.668.553	(526.705.892)	569.181.695	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.591.469.000</b>	-	<b>1.591.469.000</b>	-
Phải thu khác	1.591.469.000	-	1.591.469.000	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh nhà Hải Phòng	1.591.469.000	-	1.591.469.000	-
<b>Cộng</b>	<b>32.899.391.698</b>	<b>(526.705.892)</b>	<b>3.834.432.787</b>	-

(\*) Thuế GTGT đầu vào đề nghị hoàn từ tháng 8/2020 đến hết tháng 12/2020 và số thuế GTGT đã tạm nộp của dự án DAP đối với phần hoàn thiện thủ tục theo kiến nghị của KTNN năm 2013.

c) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

**6. Nợ xấu**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>21.541.049.118</b>	<b>10.413.024.559</b>	<b>898.500.000</b>	-
Công ty CP Phân bón Hoá chất Cần Thơ	20.826.049.118	10.413.024.559	-	-
Công ty TNHH Hoa Phượng Đỏ (VINACROPS)	715.000.000	-	898.500.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>526.705.892</b>	-	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình	317.530.000	-	-	-
Các đối tượng khác	209.175.892	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22.067.755.010</b>	<b>10.413.024.559</b>	<b>898.500.000</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	128.017.545.733	-	85.270.854.730	-
Công cụ, dụng cụ	55.468.237.482	-	45.068.330.884	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.818.976.449	-	5.664.426.700	-
Thành phẩm	27.494.738.036	-	168.026.077.478	-
Hàng gửi bán	2.547.909.007	-	38.197.718.952	-
<b>Cộng</b>	<b>218.347.406.707</b>	<b>-</b>	<b>342.227.408.744</b>	<b>-</b>

**8. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>		
Dự án xây dựng Nhà ở cán bộ công nhân viên (*)	788.607.354	788.607.354
Dự án đường ống Axit từ Cảng vào Nhà Máy	-	144.475.106
Dự án mở rộng, tăng năng lực cảng nhà máy DAP (*)	524.907.614	524.907.614
Dự án mở rộng bãi Gyps (*)	626.365.522	626.365.522
Dự án mở rộng các hồ điều hoà	-	1.317.991.025
<b>Cộng</b>	<b>1.939.880.490</b>	<b>3.402.346.621</b>

(\*) Hiện tại các dự án này chưa có quyết định, hướng dẫn cụ thể đến việc liệu các dự án này có được tiếp tục thực hiện hay không hoặc liệu các lợi ích kinh tế trong tương lai mà Công ty có thể thu được từ các dự án nêu trên có đủ bù đắp các khoản chi đã phát sinh hay không.

**9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm kế toán SAS	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2020	180.000.000	180.000.000
Số dư ngày 31/12/2020	180.000.000	180.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2020	180.000.000	180.000.000
Số dư ngày 31/12/2020	180.000.000	180.000.000
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2020	-	-
Tại ngày 31/12/2020	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 180.000.000 đồng (31/12/2019: 180.000.000 VND)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư ngày 01/01/2020	964.114.102.331	1.086.802.562.214	296.778.413.566	477.051.818	71.898.182.243	2.420.070.312.172
Đầu tư XDCB hoàn thành	396.208.735	-	-	-	-	396.208.735
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(836.000.000)	-	-	(836.000.000)
Số dư ngày 31/12/2020	964.510.311.066	1.086.802.562.214	295.942.413.566	477.051.818	71.898.182.243	2.419.630.520.907
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư ngày 01/01/2020	341.296.027.207	681.178.593.804	194.075.215.996	430.757.008	54.025.608.374	1.271.006.202.389
Khấu hao trong năm	48.468.114.006	88.887.488.845	25.522.638.793	22.542.242	3.624.034.893	166.524.818.779
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(797.136.908)	-	-	(797.136.908)
Số dư ngày 31/12/2020	389.764.141.213	770.066.082.649	218.800.717.881	453.299.250	57.649.643.267	1.436.733.884.260
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2020	622.818.075.124	405.623.968.410	102.703.197.570	46.294.810	17.872.573.869	1.149.064.109.783
Tại ngày 31/12/2020	574.746.169.853	316.736.479.565	77.141.695.685	23.752.568	14.248.538.976	982.896.636.647

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 969.038.121.254 VND (31/12/2019: 1.133.656.260.091 VND)

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 222.610.018.463 VND (31/12/2019: 37.134.441.471 VND)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc  
khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải  
2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**11. Chi phí trả trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>462.101.390</b>	<b>2.484.810.003</b>
Bảo hiểm cháy nổ trả trước	353.443.380	381.420.650
Chi phí vận chuyển trả trước	108.658.010	2.103.389.353
<b>b) Dài hạn</b>	<b>96.185.187.532</b>	<b>104.768.901.868</b>
Giá trị lợi thế doanh nghiệp khi XĐ GTDN	75.918.530.536	94.898.163.172
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	20.266.656.996	9.870.738.696
<b>Cộng</b>	<b>96.647.288.922</b>	<b>107.253.711.871</b>

**12. Phải trả người bán**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	56.865.453.937	56.865.453.937	44.889.559.433	44.889.559.433
Teknogas (M) SDN BHD	20.856.556.340	20.856.556.340	62.802.493.860	62.802.493.860
Công ty CP Dịch vụ đường sắt Hà Nội DAP	21.667.063.107	21.667.063.107	14.479.389.588	14.479.389.588
Các đối tượng khác	50.743.131.857	50.743.131.857	39.069.216.233	39.069.216.233
<b>Cộng</b>	<b>150.132.205.241</b>	<b>150.132.205.241</b>	<b>161.240.659.114</b>	<b>161.240.659.114</b>

**b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số.VIII.2**

**13. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Agrifert Liven International Pte. Ltd	22.424.572.501	-
Công ty TNHH Phân bón Gia Vũ	-	359.832.153
Các đối tượng khác	358.314.735	415.164.141
<b>Cộng</b>	<b>22.782.887.236</b>	<b>774.996.294</b>

**b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc  
khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải  
2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2020
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	818.182	-	-	818.182
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	32.849.424.780	32.849.424.780	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	714.200.081	714.200.081	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.253.890	333.965.350	335.219.240	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	22.394.227.000	-	22.394.227.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3 000 000	3 000 000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.396.299.072</b>	<b>33.900.590.211</b>	<b>56.296.071.101</b>	<b>818.182</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	38.161.580	38.161.580
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	26.124.682	26.124.682
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	5.617.250	5.617.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp	468.999.775	-	-	468.999.775
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.273.984.011	19.411.849.500	19.570.752.000	6.432.886.511
<b>Cộng</b>	<b>6.742.983.786</b>	<b>19.411.849.500</b>	<b>19.640.655.512</b>	<b>6.971.789.798</b>

**15. Chi phí phải trả**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước thưởng tiêu thụ khách hàng	2.385.631.300	3.681.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	54.618.428	541.567.552
<b>Cộng</b>	<b>2.440.249.728</b>	<b>4.222.567.552</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc  
khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải  
2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**16. Phải trả khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>9.758.532.337</b>	<b>15.090.828.167</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	211.822.929	-
Kinh phí công đoàn	62.691.616	95.408.707
Bảo hiểm xã hội	294.401	1.139.177.083
Bảo hiểm y tế	-	201.134.414
Bảo hiểm thất nghiệp	-	89.778.804
Phải trả về cổ phần hóa	14.600.000	14.600.000
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	235.798.000	202.400.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	44.794.268	44.794.268
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.188.531.123	13.303.534.891
<i>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (*)</i>	<i>9.170.125.391</i>	<i>9.170.125.391</i>
<i>Công ty Cổ phần F.A (**)</i>	<i>-</i>	<i>4.126.809.500</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>18.405.732</i>	<i>6.600.000</i>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.241.023.000</b>	<b>2.241.023.000</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.241.023.000	2.241.023.000
<i>Phải trả UBND Thành phố Hải Phòng về tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng</i>	<i>2.241.023.000</i>	<i>2.241.023.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>11.999.555.337</b>	<b>17.331.851.167</b>

(\*) Khoản phải trả về việc nhận bàn giao công nợ của dự án cũ.

(\*\*) Khoản phải trả theo Hợp đồng vay hàng hóa số 03/2019/DAP-F.A ngày 27/12/2019 về việc vay 500 tấn Amoniac hóa lỏng đơn giá 7.503.290 đồng/tấn, tổng giá trị hợp đồng vay tính cả thuế GTGT 10% là 4.126.809.500 đồng, cho phép trả hàng từng lần. Đến ngày 31/12/2020 số hàng này Công ty đã trả lại toàn bộ.

c) *Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường  
Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**17. Vay**

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạch Tray (1)	49.591.358.537	49.591.358.537	867.167.317.071	1.254.057.327.971	436.481.369.437	436.481.369.437
<b>Cộng</b>	<b>49.591.358.537</b>	<b>49.591.358.537</b>	<b>867.167.317.071</b>	<b>1.254.057.327.971</b>	<b>436.481.369.437</b>	<b>436.481.369.437</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạch Tray theo các văn bản sau:

- Biên bản thỏa thuận ngày 09/01/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty CP DAP - VINACHEM, theo đó, kể từ ngày 09/01/2018, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng thực hiện chuyển giao toàn bộ khoản vay của Công ty CP DAP - VINACHEM tại Chi nhánh cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạch Tray. Việc chuyển giao không làm phát sinh hoặc thay đổi bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty.

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 02/2018/5825177/HĐTD ngày 10/01/2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01.02/2018/5825177/HĐTD ngày 07/5/2018, số 01.02/2019/5825177/HĐTD ngày 17/5/2019 và số 01.01/2020/5825177/HĐTD ngày 23/4/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạch Tray và Công ty Cổ phần DAP- Vinachem với các điều khoản chi tiết sau:

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; bảo lãnh thanh toán; mở L/C

+ Thời hạn vay: kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến hết ngày 15/4/2021;

+ Lãi suất cho vay: Chi tiết theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

+ Hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền là 630.000.000.000 VND, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa là 500.000.000.000 VND (bao gồm dư nợ vay ngắn hạn được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/5825177/HĐTD ngày 09/6/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng đã ký kết). Sau thời điểm 31/12/2020, trường hợp Công ty không hoàn thiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu từ Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về Công ty và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đối với bất động sản giải chấp từ VDB, hạn mức tín dụng ngắn hạn với Công ty là 400.000.000.000 đồng, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa là 400.000.000.000 đồng;

+ Các hình thức đảm bảo tiền vay: Toàn bộ dây chuyền, máy móc và trang thiết bị hình thành từ dự án đầu tư Nhà máy sản xuất phân bón diamôn photphat (DAP) tại Khu kinh tế Đình Vũ - Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/5825177/HĐBĐ ngày 28/8/2017; toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị, dụng cụ quản lý theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017/5825177/HĐBĐ ngày 29/12/2017; toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc tại lô GI-7, Khu kinh tế Đình Vũ, thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 03/2017/5825177/HĐBĐ ngày 29/12/2017; các văn bản sửa đổi bổ sung nếu có và các Hợp đồng bảo đảm khác được giao kết cùng ngày hoặc sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này. Thế chấp/cầm cố/ký quỹ tài sản của Công ty và/hoặc của Bên thứ ba với tỷ lệ tài sản đảm bảo theo quy định của BIDV tối thiểu 70% dư nợ thực tế phát sinh, dư nợ ngoại tệ quy đổi và dư L/C chưa đến hạn thanh toán trừ phần ký quỹ và bảo lãnh thanh toán trừ phần ký quỹ. Sau thời điểm 31/12/2020, tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 100% dư nợ thực tế phát sinh, dư nợ ngoại tệ quy đổi và dư L/C chưa đến hạn thanh toán trừ phần ký quỹ và bảo lãnh thanh toán trừ phần ký quỹ. Các biện pháp bảo đảm khác bao gồm: toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi thanh toán của Công ty tại các chi nhánh BIDV và các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng; các nguồn thu hợp pháp khác của Công ty.

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
			Cộng	
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.461.099.000.000	(229.908.426.805)	1.231.190.573.195	
Lỗi trong năm trước	-	(3.184.605.465)	(3.184.605.465)	
Số dư tại ngày 31/12/2019	1.461.099.000.000	(233.093.032.270)	1.228.005.967.730	
Lãi trong năm nay	-	28.441.759.390	28.441.759.390	
Tặng khác	-	4.018	4.018	
Số dư tại ngày 31/12/2020	1.461.099.000.000	(204.651.268.862)	1.256.447.731.138	

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2020	01/01/2020
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	935.103.360.000	935.103.360.000
Vốn góp của các cổ đông khác	525.995.640.000	525.995.640.000
<b>Cộng</b>	<b>1.461.099.000.000</b>	<b>1.461.099.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc  
khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải  
2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	1.461.099.000.000	1.461.099.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.461.099.000.000	1.461.099.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	146.109.900	146.109.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	146.109.900	146.109.900
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>146.109.900</i>	<i>146.109.900</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	146.109.900	146.109.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>146.109.900</i>	<i>146.109.900</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

**e) Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: 0 đồng

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa công bố

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: chưa công bố

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0 đồng

**f) Các quỹ của Công ty**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	4.508.269.000	-	-	4.508.269.000
<b>Cộng</b>	<b>4.508.269.000</b>	-	-	<b>4.508.269.000</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

10120  
CÔNG  
TÁCH NH  
ỀM TOÁ  
VIỆ  
TƯ GI

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc  
khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải  
2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2020	01/01/2020
<b>a) Hàng hóa, vật tư nhận giữ hộ</b>		
Amoniac (tấn)	943,69	5.798,14
Axit sunfuric (tấn)	1.117,12	1.424,89
Phân bón DAP (tấn)	21.163,24	12.660,51
<b>b) Ngoại tệ các loại</b>		
	31/12/2020	01/01/2020
Tiền gửi ngân hàng USD	468.202,96	295.361,00

**c) Vàng tiền tệ**

Tại ngày 31/12/2020, Công ty nắm giữ vàng tiền tệ với số lượng 60 chỉ, tương đương 182.184.000 đồng (số lượng cuối năm trước là 60 chỉ, tương đương 146.791.200 đồng)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.926.076.300.247	1.679.984.482.587
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.254.836.457	17.289.136.771
Doanh thu khác	135.349.091	19.286.364
<b>Cộng</b>	<b>1.947.466.485.795</b>	<b>1.697.292.905.722</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chiết khấu thương mại	61.153.735.939	51.673.910.374
<b>Cộng</b>	<b>61.153.735.939</b>	<b>51.673.910.374</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.641.941.281.276	1.441.781.776.068
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.123.331.557	1.812.141.571
<b>Cộng</b>	<b>1.643.064.612.833</b>	<b>1.443.593.917.639</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc  
khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải  
2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	162.015.389	392.461.147
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.797.033.366	1.860.564.577
Lãi bán hàng trả chậm	478.592.330	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	9.930.688
<b>Cộng</b>	<b>3.437.641.085</b>	<b>2.262.956.412</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	21.323.009.211	28.599.324.197
Lãi trả chậm tiền hàng	-	252.739.726
Chiết khấu thanh toán	7.908.171.988	8.171.458.221
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.735.742.683	895.104.991
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	515.652.392	-
<b>Cộng</b>	<b>31.482.576.274</b>	<b>37.918.627.135</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vật tư, tài sản được cấp	-	328.209.000
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	129.916.236
Nhập kho hàng tồn kho do chênh lệch	57.711.887	451.084.642
Thanh lý tài sản cố định	33.864.181	-
Thu nhập khác	1.067.288.679	104.424.813
<b>Cộng</b>	<b>1.158.864.747</b>	<b>1.013.634.691</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính, bảo hiểm	22.935.110	455.071.263
Chi phí đền bù làm hư hỏng tường bao Công ty CP Thạch cao Đình Vũ	1.230.388.000	-
Chi phí khác	66.521.250	79.756.136
<b>Cộng</b>	<b>1.319.844.360</b>	<b>534.827.399</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc  
khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải  
2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>97.665.888.921</b>	<b>99.552.883.419</b>
Chi phí nhân viên	4.448.042.262	4.251.883.952
Chi phí vật liệu, bao bì	7.830.230	2.968.057
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	150.976.907	80.487.520
Chi phí khấu hao TSCĐ	153.709.968	64.718.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.248.664.045	86.169.764.724
Chi phí bằng tiền khác	4.656.665.509	8.983.060.502
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>89.118.073.910</b>	<b>70.575.936.324</b>
Chi phí nhân viên quản lý	23.064.688.286	20.404.571.230
Chi phí vật liệu quản lý	340.499.938	1.050.267.434
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.480.918.047	1.097.413.075
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.590.337.172	1.762.016.221
Thuế, phí và lệ phí	20.144.514.519	13.335.421.274
Chi phí dự phòng	10.939.730.451	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.135.673.354	9.990.110.902
Chi phí bằng tiền khác	23.421.712.143	22.936.136.188
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(183.500.000)</b>	<b>(96.000.000)</b>
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(183.500.000)	(96.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>186.600.462.831</b>	<b>170.032.819.743</b>

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.143.836.425.132	1.302.624.731.210
Chi phí nhân công	115.356.922.082	99.946.673.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.486.164.595	119.775.694.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.269.221.796	157.314.496.299
Chi phí khác bằng tiền	38.834.608.103	42.093.577.699
<b>Cộng</b>	<b>1.652.783.341.708</b>	<b>1.721.755.173.130</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc  
khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải  
2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	28.441.759.390	(3.184.605.465)
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.457.565.722	-
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	1.190.019.505	(1.553.816.488)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>4.884.305.913</i>	<i>5.149.964.982</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>3.694.286.408</i>	<i>6.703.781.470</i>
Lỗi được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	(32.089.344.617)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.441.759.390	(3.184.605.465)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.441.759.390	(3.184.605.465)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	146.109.900	146.109.900
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	195	(22)

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ****1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tài sản cố định được cấp	-	222.829.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc  
khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải  
2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty CP DAP số 2 - VINACHEM	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty CP Phân lân Ninh Bình	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty CP Phân lân Ninh Bình	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty CP Ác quy tia sáng	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình (*)	Cổ đông lớn
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long (*)	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương là người đại diện trước pháp luật của Công ty Xuất nhập khẩu Cát Long đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty CP DAP - Vinachem

(\*) Trong năm 2020, Các công ty này không còn là Bên liên quan.

*h) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>	<b>154.615.947.862</b>	<b>348.766.816.748</b>
Công ty CP Phân bón Miền Nam	36.945.510.500	84.931.535.000
Công ty CP Phân bón hóa chất Cần Thơ	27.305.040.000	76.621.981.400
Công ty CP Thạch Cao Đình Vũ	387.034.862	545.671.568
Công ty CP Phân bón Bình Điền	89.978.362.500	130.937.382.504
Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển	-	955.521.590
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	-	900.486.000
Công ty CP Phân lân Ninh Bình	-	4.409.754.831
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long		49.464.483.855
<b>Mua hàng</b>	<b>399.049.208.889</b>	<b>366.997.202.616</b>
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	381.403.110.045	341.805.383.813
Viện Hóa học công nghiệp Việt Nam	6.251.325.890	2.482.969.760
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	9.336.038.954	-
Công ty CP Cao su Sao Vàng	412.894.000	102.512.000
Công ty CP Hóa chất Việt Trì	94.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	1.498.600.000	5.046.600.000
Công ty CP Ác quy tia sáng	53.240.000	56.589.700
Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình		17.503.147.343
Công ty CP Thạch cao Đình Vũ	1.164.367.537	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**c) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>	<b>79.247.261.941</b>	<b>143.899.765.270</b>
Công ty Cổ phần Phân bón hoá chất Cần Thơ	54.517.479.848	61.026.049.118
Công ty CP Phân bón Miền Nam	24.718.339.975	45.680.506.000
Công ty CP Thạch Cao Đình Vũ	11.442.118	1.380.720.425
Công ty Phân bón Bình Điền	-	30.897.562.500
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Tri	-	74.131.200
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	-	4.840.796.027
<b>Người mua ứng trước ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>353.672</b>
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	-	353.672
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>1.030.946.062</b>	<b>1.030.946.062</b>
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	1.030.946.062	1.030.946.062
Lâm Thái Dương	-	791.773
Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình	-	317.530.000
<b>Các khoản phải trả người bán</b>	<b>57.582.907.597</b>	<b>45.064.847.535</b>
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	516.037.335	-
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	193.087.125	160.401.032
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	56.865.453.937	44.889.559.433
Công ty Cổ phần Ấc quy tia sáng	8.329.200	14.887.070
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>1.400.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Phân đạm và hóa chất Hà Bắc	1.400.000	-
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>9.170.125.391</b>	<b>9.170.125.391</b>
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	9.170.125.391	9.170.125.391

**Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.400.000.000	1.248.000.000
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	360.000.000	360.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.760.000.000</b>	<b>1.608.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân bổ hợp lý bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.229.337.591.213	1.501.518.654.416	656.975.158.643	144.100.340.932	1.886.312.749.856	1.645.618.995.348
Giá vốn hàng bán	1.061.564.362.644	1.306.781.505.627	581.500.250.189	136.812.412.012	1.643.064.612.833	1.443.593.917.639
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>167.773.228.569</b>	<b>194.737.148.789</b>	<b>75.474.908.454</b>	<b>7.287.928.920</b>	<b>243.248.137.023</b>	<b>202.025.077.709</b>

**Bảng cân đối kế toán**

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	1.516.272.032.622	1.892.096.831.512	8.299.865.778	7.163.235.686	1.524.571.898.400	1.899.260.067.198
Nợ phải trả bộ phận	219.804.302.821	603.787.695.608	43.811.595.441	62.958.134.860	263.615.898.262	666.745.830.468

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***4. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.17, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản vay	49.591.358.537	436.481.369.437
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	18.158.161.134	71.204.151.434
Nợ thuần	31.433.197.403	365.277.218.003
Vốn chủ sở hữu	1.260.956.000.138	1.232.514.236.730
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	2,49%	29,64%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.1.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.158.161.134	71.204.151.434
Phải thu khách hàng và phải thu khác	189.399.849.927	207.982.611.878
Các khoản đầu tư tài chính	6.146.854.165	6.202.506.557
<b>Cộng</b>	<b>213.704.865.226</b>	<b>285.389.269.869</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	49.591.358.537	436.481.369.437
Phải trả người bán và phải trả khác	162.131.760.578	178.572.510.281
Chi phí phải trả	2.440.249.728	4.222.567.552
<b>Cộng</b>	<b>214.163.368.843</b>	<b>619.276.447.270</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

3-C  
TY  
TƯ H  
NH C  
M  
H

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc  
khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải  
2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	159.890.737.578	2.241.023.000	162.131.760.578
Chi phí phải trả	2.440.249.728	-	2.440.249.728
Các khoản vay	49.591.358.537	-	49.591.358.537
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	176.331.487.281	2.241.023.000	178.572.510.281
Chi phí phải trả	4.222.567.552	-	4.222.567.552
Các khoản vay	436.481.369.437	-	436.481.369.437

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.158.161.134	-	18.158.161.134
Phải thu khách hàng và phải thu khác	187.808.380.927	1.591.469.000	189.399.849.927
Các khoản đầu tư tài chính	2.000.000.000	4.146.854.165	6.146.854.165

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.204.151.434	-	<b>71.204.151.434</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	206.391.142.878	1.591.469.000	<b>207.982.611.878</b>
Các khoản đầu tư tài chính	1.540.000.000	4.662.506.557	<b>6.202.506.557</b>

**5. Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số chỉ tiêu so sánh của kỳ trước đã được Công ty điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót" theo Hợp đồng thuê đất số 21/HĐ-TĐ ngày 15/06/2020 giữa Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM và Thông báo số 1900/TB-CCT ngày 14/9/2020 của Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An - Cục thuế TP Hải Phòng về việc tạm thu tiền thuê đất kèm biên bản làm việc ngày 08/12/2020. Số liệu điều chỉnh được thuyết minh chi tiết như sau:

**5.1 Số liệu trước điều chỉnh và sau điều chỉnh****5.1.1 Năm 2017****a) Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.726.363.014	4.518.411.000	7.244.774.014
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(443.848.710.403)	(4.518.411.000)	(448.367.121.403)

**b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

	Năm 2017		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Chi phí quản lý doanh nghiệp	52.600.091.385	4.518.411.000	57.118.502.385
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.760.669.800	(4.518.411.000)	10.242.258.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	101	(31)	70

**c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Đơn vị tính: VND

	Năm 2017		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Lợi nhuận trước thuế	14.783.119.800	(4.518.411.000)	10.264.708.800
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	111.317.882.480	4.518.411.000	115.836.293.480

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc  
khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải  
2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**5.1.2 Năm 2018**

## a) Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	556.957.403	13.555.233.000	14.112.190.403
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(216.353.193.805)	(13.555.233.000)	(229.908.426.805)

## b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Năm 2018		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.181.602.682	9.036.822.000	80.218.424.682
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	227.495.516.598	(9.036.822.000)	218.458.694.598
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.557	(62)	1.495

## c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

	Năm 2018		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Lợi nhuận trước thuế	227.495.516.598	(9.036.822.000)	218.458.694.598
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(238.714.756.428)	9.036.822.000	(229.677.934.428)

**5.1.3 Năm 2019**

## a) Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.072.072	22.394.227.000	22.396.299.072
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(210.698.805.270)	(22.394.227.000)	(233.093.032.270)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Địa chỉ: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

## b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

**Năm 2019**

	<b>Số đã báo cáo</b>	<b>Số điều chỉnh</b>	<b>Số sau điều chỉnh</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	61.640.942.324	8.838.994.000	70.479.936.324
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.654.388.535	(8.838.994.000)	(3.184.605.465)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39	(60)	(22)

## c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

**Năm 2019**

	<b>Số đã báo cáo</b>	<b>Số điều chỉnh</b>	<b>Số sau điều chỉnh</b>
Lợi nhuận trước thuế	5.654.388.535	(8.838.994.000)	(3.184.605.465)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(205.519.089.554)	8.838.994.000	(196.680.095.554)

**5.2 Các thuyết minh về số liệu điều chỉnh hồi tố**

## 5.2.1 Thuyết minh về số liệu điều chỉnh của năm 2017

*Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017*

Chi tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" tăng 4.518.411.000 đồng là do điều chỉnh chi phí tiền thuê đất năm 2017 theo Hợp đồng thuê đất số 21/HĐ-TĐ ngày 15/06/2020 giữa Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM và Thông báo số 1900/TB-CCCT ngày 14/9/2020 về việc tạm thu tiền thuê đất kèm biên bản làm việc ngày 08/12/2020.

Chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm 4.518.411.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2017.

*Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017*

Chi tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" tăng 4.518.411.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2017.

Chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" giảm 4.518.411.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2017.

Chi tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" thay đổi do xác định lại kết quả kinh doanh qua ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh hồi tố.

## 5.2.1 Thuyết minh về số liệu điều chỉnh của năm 2018

*Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” tăng 13.555.233.000 đồng là do điều chỉnh chi phí tiền thuê đất năm 2017 và năm 2018 theo Hợp đồng thuê đất số 21/HĐ-TĐ ngày 15/06/2020 giữa Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM và Thông báo số 1900/TB-CCT ngày 14/9/2020 về việc tạm thu tiền thuê đất kèm biên bản làm việc ngày 08/12/2020.

Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm 13.555.233.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2017 và năm 2018.

*Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018*

Chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng 9.036.822.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2018.

Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm 9.036.822.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2018.

Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" thay đổi do xác định lại kết quả kinh doanh qua ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh hồi tố.

**5.2.1 Thuyết minh về số liệu điều chỉnh của năm 2019**

*Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019*

Chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” tăng 22.394.227.000 đồng là do điều chỉnh chi phí tiền thuê đất năm 2017, 2018, 2019 theo Hợp đồng thuê đất số 21/HĐ-TĐ ngày 15/06/2020 giữa Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM và Thông báo số 1900/TB-CCT ngày 14/9/2020 về việc tạm thu tiền thuê đất kèm biên bản làm việc ngày 08/12/2020.

Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm 22.394.227.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2017, 2018, 2019.

*Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019*

Chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng 8.838.994.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2019.

Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm 8.838.994.000 đồng là do điều chỉnh tăng chi phí tiền thuê đất năm 2019.

Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" thay đổi do xác định lại kết quả kinh doanh qua ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh hồi tố.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 2 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEM**

Người lập biểu

Điều hành Phòng Kế toán

Tổng Giám đốc

**Đặng Thị Hoa**

**Lê Thị Hiền**



**Vũ Văn Bằng**